

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Án số **40/2018/HSST**
Ngày **20/7/2018**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **ĐỖ KHÁNH HÀ**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **NGUYỄN CHUNG**

Ông **NGUYỄN RÀNG**

Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ VÂN** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông **NGUYỄN XUÂN NAM** - Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2018/HSST ngày 23/5/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 05/7/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Ngô D**, sinh năm 1989 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương B – sinh năm 1961 và bà Ngô Thị N – sinh năm 1966; tiền án: Ngày 12/11/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/7/2015; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 22/01/2008 bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/9/2008; ngày 08/01/2007 bị Công an thị trấn Ninh Hòa xử phạt vi phạm hành chính 200.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng, ngày 21/2/2014 bị Công an phường Ninh Hiệp xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản; bị bắt, tạm giam ngày 28/02/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông **Phùng Minh T** – sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. *Vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà **Trần Thị Kim C**

Địa chỉ: Thôn P, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. *Có mặt.*

- *Người làm chứng:* Ông **Nguyễn Phụng T**

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Ngô D đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nhưng khoảng 19 giờ 00 phút ngày 28/9/2015, D đang chơi tại quán Internet ở thôn Q, xã N, thị xã N thì thấy Phùng Minh T là người quen đi xe đạp điện đến. D hỏi mượn Thuận xe để đi mua bánh mì, T đồng ý. Sau khi mượn xe, D đã nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã đem xe đi cầm cố cho bà Trần Thị Kim Ch ở thôn P, xã N, thị xã N lấy 2.000.000 đồng để tiêu xài, sau đó D bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 28/02/2018, bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 167/KL-HĐĐG ngày 27/11/2015 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Ninh Hòa xác định: Xe đạp điện do Trương Ngô D chiếm đoạt của ông Phùng Minh T trị giá 7.920.000 đồng.

Bản cáo trạng số 33/CT-VKS-HS ngày 22/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Trương Ngô D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên.

Bị hại vắng mặt nên không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về vật chứng: Đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim C không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ và việc họ vắng mặt chỉ liên quan đến vấn đề bồi thường, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Sau khi mượn được xe đạp điện của bị hại, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã mang xe đi cầm cố cho bà Trần Thị Kim C ở thôn P, xã N, thị xã N lấy 2.000.000 đồng để tiêu xài. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 7.920.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được công bố tại phiên tòa và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Bị cáo thừa nhận, sau khi được ông Phùng Minh T cho mượn xe đạp điện thì bị cáo mới nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của T. Bị cáo đã mang xe đi cầm cố cho bà Trần Thị Kim C ở thôn P, xã N, thị xã N lấy 2.000.000 đồng để tiêu xài và sau đó đã bỏ trốn khỏi địa phương. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 7.920.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bản cáo trạng số 33/CT-VKS-HS ngày 22/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Trương Ngô D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm sở hữu của công dân, gây mất trật tự, trị an địa phương. Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích. Đối với Bản án số 02/2008/HSST ngày 22/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hòa xử phạt bị cáo D 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, giá trị tài sản bị cáo trộm cắp trong vụ án này là 1.710.000 đồng. Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009, điểm e khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội thì bị cáo D đương nhiên được xóa án tích. Vì vậy, chỉ xem Bản án số 02/2008/HSST ngày 22/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hòa là nhân thân của bị cáo là phù hợp.

Bị cáo có nhân thân xấu, 01 lần bị xử phạt về hành vi “Trộm cắp tài sản”, hai lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” và “Trộm cắp tài sản”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù của bản án trước, chỉ trong thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội. Có thể thấy, bị cáo không có ý chí hướng thiện, làm ăn chân chính; sau khi phạm tội đã nhiều lần trốn tránh, gây khó khăn cho công tác Điều tra, Truy tố, Xét xử. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá và xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội. Tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt và áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 53 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu. Đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự nên cần chấp nhận.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường. Áp dụng Điều 585, Điều 586 của Bộ luật dân sự năm 2015 ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên. Bị hại vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về vật chứng: Đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017..

Căn cứ vào Điều 106, Điều 136, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 585, Điều 586 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Trương Ngô D** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Trương Ngô D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giam 28/02/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Ngô D phải bồi thường cho bà Trần Thị Kim C số tiền 2.000.000 đồng. Bị hại vắng mặt, nếu sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Quy định: Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về vật chứng: Đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên biết được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan điều tra Công an thị xã Ninh Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Khánh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

